

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu

ĐỖ VĂN NHÂN*

Triển khai Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh Gia Lai đã chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức, tập quán từ sản xuất nhỏ lẻ, truyền thống sang phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa. Từ đó, góp phần từng bước nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và biến đổi khí hậu đang diễn ra hết sức phức tạp. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục để nâng cao hiệu quả sản xuất ngành nông nghiệp trong thời gian tới.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH GIA LAI

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH, ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 369/QĐ-UBND, ngày 30/5/2016 ban hành Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016-2020. Kết quả đạt được theo báo cáo của UBND tỉnh Gia Lai (2022) như sau:

Về lĩnh vực trồng trọt

Kết quả chuyển đổi cơ cấu trong trồng trọt. Những năm qua, sản xuất nông nghiệp của Tỉnh đã gặp một số khó khăn về thiên tai, dịch bệnh, giá cả thị trường không ổn định. Để giúp người dân ổn

định sản xuất, nâng cao thu nhập, Tỉnh đã thực hiện chuyển đổi 3.373,5 ha đất trồng lúa thường xuyên bị hạn và 33.235,1 ha cây trồng kém hiệu quả sang phát triển các cây trồng có giá trị kinh tế cao gắn với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng, nhằm tạo tiền đề hình thành các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Kết quả thực hiện kế hoạch trồng tái canh cà phê giai đoạn 2016-2020 đạt 12.587,5 ha.

Kết quả ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt. Giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn Tỉnh đã hình thành được 18 vùng sản xuất có tính chất công nghệ cao với tổng diện tích 3.489,6 ha, tập trung vào các sản phẩm chính, như: bơ, sầu riêng, thanh long, ớt, hồ tiêu, cà phê, rau hoa, dược liệu (14 vùng trồng cây ăn quả; 1 vùng trồng hồ tiêu giống và thương phẩm; 1 vùng trồng cà phê được chứng nhận theo tiêu chuẩn Organic USDA; 1 vùng sản xuất giống rau hoa và rau hoa; 1 vùng sản xuất dược liệu). Có 3 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Công ty TNHH MTV Hương Đất An Phú, Công ty Cổ phần chè Bầu Cạn, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp). Đặc biệt, đã có 186.855 ha cây trồng các loại được sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, Organic, Rainforest Alliance... Toàn Tỉnh có 28.130,6 ha diện tích cây trồng ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Kết quả liên kết sản xuất. Toàn Tỉnh đã hình thành 201 cánh đồng lớn, với tổng diện tích gần 10.743 ha cây trồng. Theo đó, việc liên kết sản xuất trong lĩnh

* TS., Học viện Chính trị khu vực III

vực trồng trọt ngày càng được mở rộng. Năm 2020, toàn Tỉnh có 142.818 ha cây trồng thực hiện liên kết sản xuất giữa nông dân với 81 hợp tác xã và 42 doanh nghiệp.

Kết quả, tình hình cấp mã số vùng trồng cho từng loại cây trồng: Đến năm 2020, Tỉnh đã được cấp 23 mã số vùng trồng các sản phẩm cây ăn quả như: Chuối (4 mã số), mít (10 mã số), xoài (2 mã số) thanh long (7 mã số).

Về lĩnh vực chăn nuôi

Xác định chăn nuôi là ngành sản xuất quan trọng trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó chú trọng đến tái cơ cấu hình thức sản xuất. Ngành chăn nuôi đã có bước tăng trưởng, từng bước nâng dần tỷ trọng, cân đối với ngành trồng trọt. Giá trị sản xuất chăn nuôi tăng bình quân 12,41%, đến năm 2020 đạt 4.313 tỷ đồng, chiếm 14,29% gấp 1,79 lần so với năm 2015, tỷ trọng tăng từ 10,25% năm 2015 lên 14,29% năm 2020.

Thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển chăn nuôi theo hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp. Đến cuối năm 2020, có 101 dự án chăn nuôi đang được nhà đầu tư quan tâm với tổng diện tích khoảng 5.070 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 14.046 tỷ đồng (trong đó: 16 dự án được UBND tỉnh Gia Lai cấp quyết định chủ trương đầu tư; 6 dự án đi vào hoạt động; 23 dự án đang nghiên cứu, đề xuất dự án; 62 dự án đang triển khai các thủ tục để trình UBND Tỉnh đồng ý chủ trương nghiên cứu dự án). Đến năm 2020, trên địa bàn, có 379 trại chăn nuôi gồm 125 trại bò, số lượng 8.187 con; 204 trại lợn, số lượng 85.007 con; 50 trại gà, số lượng 428.000 con.

Tỉnh cũng đã chuyển dịch chăn nuôi từ vùng có mật độ dân số cao (thị trấn, thị xã, thành phố) đến nơi có mật độ dân số thấp, hình thành các vùng chăn nuôi xa thành phố, khu dân cư. Tỉnh tạo điều kiện, thu hút các dự án chăn nuôi bò thịt, bò sữa theo quy mô công nghiệp, gắn với phát triển đồng cỏ thâm canh để đảm bảo nguồn thức ăn trong mùa khô.

Các tổ chức, cá nhân tham gia chăn nuôi đã chủ động đưa các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất chăn nuôi nhằm tăng năng suất, chất lượng vật nuôi góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi của Tỉnh phát triển bền vững.

Giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn Tỉnh đã hình thành hình thức liên kết chăn nuôi theo chuỗi giá trị giữa hộ chăn nuôi với Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam gồm có: 85 trại lợn, số lượng 59.200 con; 22 trại gà, số lượng 27.100 con.

Tuy nhiên, trên địa bàn Tỉnh hiện chưa có nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm. Thức ăn công nghiệp hầu như 100% phải nhập từ ngoại tỉnh như Bình Định, Bình Dương...

Về lĩnh vực lâm nghiệp

Tuy chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương, nhưng UBND Tỉnh đã sử dụng ngân sách tỉnh để tạm ứng giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ các địa phương, đơn vị để thực hiện trồng, chăm sóc rừng từ năm 2016 đến năm 2020. Các địa phương,

đơn vị đã chủ động triển khai thực hiện từ công tác tuyên truyền đến tổ chức thực hiện việc thu hồi đất rừng bị lấn chiếm để chuyển cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng; mở các lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng cho các hộ dân tham gia trồng rừng. Giai đoạn 2016-2020, toàn Tỉnh đã triển khai trồng rừng được 25.599,19 ha. Nguồn giống cây lâm nghiệp đưa vào trồng rừng trên địa bàn, về cơ bản, đã được kiểm soát chặt chẽ, có sự phối hợp nhiều cơ quan, ban ngành có liên quan ở địa phương. Cơ cấu loài cây trồng rừng sản xuất có xu thế ngày càng đa dạng, có chọn lọc dựa trên các yếu tố thị trường, sinh thái cây trồng theo điều kiện lập địa phù hợp.

Công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng lâm nghiệp đã có nhiều chuyển biến; nguồn giống trồng rừng trong tỉnh được quản lý, một số vườn ươm đã được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính. Nguồn gốc vật liệu giống và chất lượng cây con đưa vào trồng rừng đã được kiểm soát.

Trong giai đoạn 2016-2020, công tác giao khoán rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn, làng quản lý bảo vệ, phát triển rừng và hưởng lợi từ rừng được chú trọng, bằng nguồn kinh phí từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, kinh phí từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, các địa phương, đơn vị chủ rừng đã thực hiện khoán quản lý bảo vệ rừng được 739.376,6 lượt ha/5 năm (bình quân 147.875 ha/năm). Cũng trong giai đoạn 2016-2020, giao đất, giao rừng cho cộng đồng là người đồng bào dân tộc thiểu số, với 28 cộng đồng dân cư, quản lý 8.011,62 ha.

Về lĩnh vực thủy sản

Gia Lai là đầu nguồn của nhiều hệ thống sông lớn, như sông: Ba, Sê San, Ayun chảy xuống vùng Duyên hải miền Trung và sông Mê Kông. Tài nguyên nước ở Gia Lai có tổng trữ lượng khoảng 23 tỷ m³, phân bố trên các hệ thống sông chính là hệ thống sông Ba, hệ thống sông Sê San và các nhánh của sông SrêPôk, với 302 hồ chứa, đập thủy lợi (19 hồ lớn, 12 hồ vừa, 82 hồ nhỏ và 189 đập dâng nhỏ). Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng thủy sản đạt 3,27%/năm, giá trị sản xuất đạt 214 tỷ đồng vào năm 2020, gấp 1,18 lần so với năm 2015. Tổng diện tích thủy sản năm 2020 đạt 15.040 ha, tăng 1.035 ha so với năm 2015; tổng sản lượng thủy sản đạt 6.917 tấn, tăng 1.516



Mô hình trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện Chư Păh

tấn so với năm 2015. Sản lượng thủy sản tăng theo hàng năm, chủ yếu từ nuôi thâm canh với hình thức lồng bè trên hồ chứa, hồ thủy điện.

Về xây dựng nông thôn mới

Đến năm 2020, toàn Tỉnh có 87 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân đạt 15,59 tiêu chí/xã; 95 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới; có 3 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Về phát triển công nghiệp chế biến

Trong giai đoạn 2016-2020, Tỉnh xác định sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, hình thành các vùng cây trồng tập trung đã tạo nguồn nguyên liệu ổn định để các nhà máy chế biến phát huy công suất thiết kế, tạo ra các sản phẩm chủ lực của Tỉnh. Việc phát triển công nghiệp chế biến nông sản đã góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành nhiều mô hình phát triển theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, như: chuỗi sản xuất cà phê, mía đường, mì, rau quả... Hiện đã có các nhà máy chế biến nông sản với công suất lớn đi vào hoạt động, phát huy được công suất thiết kế, tạo ra các sản phẩm chủ lực. Tỉnh đã có 2 sản phẩm gồm chanh leo và cà phê chế biến được xuất khẩu sang thị trường EU, tỷ lệ chế biến một số nông sản đạt cao.

Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Gia Lai đạt 7,55%. Đến năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu nông - lâm - thủy sản đạt 515 triệu USD [2].

TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những mặt đạt được, quá trình triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai cũng gặp những tồn tại, vướng mắc, như sau:

(1) Hạ tầng nông nghiệp nông thôn chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng về thủy lợi, giao thông tại các vùng cây trồng, vật nuôi chủ lực, nên chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất.

(2) Tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến nông sản chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, tỷ lệ chế biến sâu về nông sản vẫn còn thấp.

(3) Tỷ lệ cây trồng tưới nước chủ động chỉ đạt 12,24% (67.400 ha/550.000 ha diện tích gieo trồng), trong khi diện tích được tưới và cấp nước chủ động của cả nước chiếm 85,72% đối với lúa; 39,68% đối với cây hàng năm và cây lâu năm đạt 49,86% [2].

(4) Chuyển dịch cơ cấu giữa các lĩnh vực trong nội ngành nông nghiệp còn chưa rõ nét, giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng cao (83,2%) [2].

(5) Đất đai manh mún, nhỏ lẻ, nên ứng dụng cơ giới hóa, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, không đồng bộ.

(6) Tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp.

(7) Hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp còn yếu, chưa kết nối được với các doanh nghiệp và thị trường.

(8) Khó khăn trong công tác đầu tư, ổn định đời sống sản xuất cho người dân sau tái định cư thủy lợi, thủy điện do thiếu kinh phí.

(9) Kinh phí phục vụ cho công tác trồng rừng còn nhiều hạn hẹp.

(10) Các loại hình thiên tai, như: hạn hán, mưa dông, lốc, sét... và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất và dân sinh.

(11) Sự tham gia phối hợp giúp các địa phương triển khai thành lập và hỗ trợ hoạt động cho các “Nông hội” của các sở, ban ngành cấp tỉnh còn hạn chế.

(12) Hệ thống sản xuất giống, ứng dụng khoa học công nghệ, dịch vụ khoa học, công nghệ của địa phương còn ít.

(13) Các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, chính sách cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao (về khu, doanh nghiệp, dự án) chưa cụ thể, các văn bản pháp lý, hướng dẫn chưa rõ ràng, nên gặp khó khăn trong công tác quản lý nhà nước, thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

(14) Tình trạng sai khác về số liệu thống kê các chỉ tiêu lĩnh vực nông nghiệp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn chưa được khắc phục dẫn đến bất cập trong việc tổng hợp, đối chiếu số liệu phục vụ công tác tham mưu, báo cáo của ngành và của Tỉnh.

GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở những kết quả đạt được sau 5 năm (2016-2020), trong thời gian tới, tỉnh Gia Lai xác định, tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản. Theo đó, Tỉnh sẽ đẩy mạnh phát triển và xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2025, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 40.880 tỷ đồng. Trong đó: giá trị sản xuất nông nghiệp gần 40.000 tỷ đồng; giá trị sản xuất lâm nghiệp 670 tỷ đồng và giá trị sản xuất thủy sản 460 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 6,25%/năm. Trong đó: lĩnh vực nông nghiệp tăng bình quân 6,09%/năm, lĩnh vực lâm nghiệp tăng 10,91%/năm và lĩnh vực thủy sản tăng 16,53%/năm [3].

Để thực hiện được các mục tiêu trên, trong thời gian tới, Gia Lai cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách, huy động nguồn lực. Rà soát, điều chỉnh chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả

hoạt động của kinh tế tập thể. Chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ giới hóa nông nghiệp và khuyến nông. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Đặc biệt, cần xây dựng lập quy hoạch trong ngành nông nghiệp một cách bài bản, từ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp gắn với quy hoạch sử dụng đất hàng năm và từng thời kỳ.

Thứ hai, khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân, kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư lĩnh vực nông - lâm nghiệp, trong đó chú trọng giải quyết việc làm cho người dân tại chỗ và bảo đảm các tiêu chí về môi trường. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công; phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Bảo vệ tài nguyên, môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

Thứ ba, thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại và thị trường.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản lý ngành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý ngành thông qua việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đồng thời tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả công nghệ thông tin, khai thác cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai kịp thời các văn bản chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND tỉnh Gia Lai (2016). *Quyết định số 369/QĐ-UBND, ngày 30/5/2016 Kế hoạch thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016-2020*
2. UBND tỉnh Gia Lai (2022). *Kết quả thực hiện Kế hoạch hành động Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016-2020*, Báo cáo tại buổi làm việc với đoàn giám sát của HĐND tỉnh Gia Lai ngày 25/5/2022
3. Đức Hải, Thanh Sáng (2021). *Tỉnh Gia Lai tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành Nông nghiệp*, truy cập từ <http://gialaitv.vn/tin-tuc/tin-dia-phuong/tinh-gia-lai-tiep-tuc-day-manh-tai-co-cau-nganh-nong-nghiep/>
4. Nhật Phương (2022). *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng*, truy cập từ <https://daibieunhandan.vn/dia-phuong/-tai-co-cau-nganh-nong-nghiep-la-nhiem-vu-quan-trong--i290790/>